

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ UNIAGRI
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ UNIAGRI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: UNIAGRI SCIENCE TECHNOLOGY COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: UNIAGRI STC

2. Mã số doanh nghiệp: 1301111178

3. Ngày thành lập: 11/11/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 132K, khu phố 3, Phường Phú Tân, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Điện thoại: 0275.3848888

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm, thủy sản	4620
6.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thủy sản	4632
7.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
8.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
9.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
10.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn, xuất nhập khẩu máy súc khí oxy; Bán buôn các loại máy móc, thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản; Bán buôn máy móc, phụ tùng, thiết bị phục vụ sản xuất thức ăn thủy sản.	4659
11.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
12.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
13.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn thuốc thú y, thuốc thủy sản	4669

14.	Trồng cây ăn quả	0121
15.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
16.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322(Chính)
17.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
18.	Giáo dục trung học phổ thông	8523
19.	Đào tạo sơ cấp	8531
20.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
21.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
22.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
23.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
24.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
25.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
26.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
27.	Cho thuê xe có động cơ	7710
28.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
29.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (Không sản xuất trong nội ô thành phố Bến Tre)	1080
30.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
31.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
32.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
33.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
34.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
35.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
36.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
37.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
38.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
39.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
40.	Sản xuất điện Chi tiết: Sản xuất điện năng lượng mặt trời mái nhà	3511
41.	Truyền tải và phân phối điện (trừ truyền tải và điều độ hệ thống điện quốc gia)	3512
42.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530

43.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
44.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
45.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
46.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
47.	Xây dựng nhà để ở	4101
48.	Xây dựng nhà không để ở	4102
49.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
50.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
51.	Xây dựng công trình điện	4221
52.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
53.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
54.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
55.	Xây dựng công trình thủy	4291
56.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
57.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
58.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
59.	Phá dỡ	4311
60.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
61.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
62.	Ghi chú: Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng cháy chữa cháy và điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện.	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN HẠNH KỲ DUYÊN	Việt Nam	Số 132K, khu phố 3, Phường Phú Tân, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam	3.500.000.000	70,000	321624999	
2	BÙI NGUYỄN MINH LÝ	Việt Nam	Số 22, KDC Phước Kiển, ấp 5, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	1.500.000.000	30,000	083185014867	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN HẠNH KỲ DUYÊN

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 05/11/2003

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 321624999

Ngày cấp: 01/10/2018

Nơi cấp: Công an Bến Tre

Địa chỉ thường trú: *Số 132K, khu phố 3, Phường Phú Tân, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 132K, khu phố 3, Phường Phú Tân, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bến Tre